

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế
phần đầu 10% trở lên

Căn cứ Kết luận số 123-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Đề án bổ sung phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên.

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025.

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 05/02/2025 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực và địa phương bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên.

Căn cứ Công điện số 140/CD-TTg ngày 27/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phấn đấu tăng trưởng kinh tế hai con số năm 2025.

Căn cứ kết luận Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ 18 ngày 23/12/2024 về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2024; phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2025.

Căn cứ Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 27/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2025.

Căn cứ Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 16/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch tăng trưởng kinh tế năm 2025.

Nhằm cụ thể hóa các chỉ đạo của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về mục tiêu tăng trưởng năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện phần đầu tăng trưởng kinh tế hai con số năm 2025 theo chỉ đạo của Trung ương, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Năm 2025 có ý nghĩa then chốt để đưa nước ta bước vào kỷ nguyên mới, yêu cầu phải tăng trưởng hai con số trong giai đoạn 2026-2030. Do đó, tỉnh An Giang cùng với cả nước cần phấn đấu, tăng trưởng bứt phá để về đích Kế hoạch 05 năm 2021-2025, tạo đà cho tăng trưởng giai đoạn tới.

Từ thực tiễn của tỉnh và yêu cầu phát triển đặt ra, việc phấn đấu tăng trưởng nhanh nhưng phải bền vững, bảo đảm ổn định kinh tế và nâng cao đời sống người dân, bảo vệ môi trường gắn liền với đảm bảo an sinh xã hội, an

ninh trật tự.

2. Yêu cầu

Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố phải phát huy tính chủ động, đảm bảo thống nhất trong triển khai, phối hợp chặt chẽ, thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp để phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng hai con số theo chỉ đạo của Trung ương.

Phát huy sức mạnh đoàn kết, tinh thần đổi mới, không ngừng nỗ lực sáng tạo, dám nghĩ dám làm, quyết tâm hành động để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hướng đến chuyển biến về chất, tạo ra giá trị thực. Tiếp tục chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông để tạo nền tảng phát triển du lịch, thương mại và dịch vụ, thúc đẩy liên kết vùng. Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đảm bảo môi trường kinh doanh bình đẳng, thuận lợi cho doanh nghiệp và nhà đầu tư. Chủ động hợp tác, liên kết vùng, phát huy thế mạnh của tỉnh. Thực hiện tốt các chính sách về giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, bảo vệ, chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới. Giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

Ngày 27/12/2024, HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2025 tỉnh An Giang, trong đó, mục tiêu tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) năm 2025 từ 8,5% trở lên. Thực hiện Công điện số 140/CĐ-TTg ngày 27/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phấn đấu tăng trưởng kinh tế hai con số năm 2025, tỉnh đã xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tập trung các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh, phấn đấu đạt mức tăng trưởng từ 10% trở lên. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,80%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 16,15%; khu vực dịch vụ tăng 12,15%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 4,02%. Mục tiêu cụ thể từng quý như sau:

a) Mục tiêu Quý I/2025 so với Quý I/2024: Tăng trưởng GRDP là 9,03%, trong đó: Khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,96%; Khu vực Công nghiệp và xây dựng tăng 14,99%; Khu vực Dịch vụ tăng 13,23%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp tăng 3,77%.

b) Mục tiêu Quý II/2025 so với Quý II/2024: Tăng trưởng GRDP là 11,28%, trong đó: Khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 7,48%; Khu vực Công nghiệp và xây dựng tăng 15,76%; Khu vực Dịch vụ tăng 11,43%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp tăng 4,39%.

Lũy kế 6 tháng: Tăng trưởng GRDP là 9,94%, trong đó: Khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,72%; Khu vực Công nghiệp và xây dựng tăng 15,38%; Khu vực Dịch vụ tăng 12,32%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp tăng 4,05%.

c) Mục tiêu Quý III/2025 so với Quý III/2024: Tăng trưởng GRDP là 9,50%, trong đó: Khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,22%; Khu vực Công nghiệp và xây dựng tăng 16,34%; Khu vực Dịch vụ tăng 12,00%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp tăng 6,29%.

Lũy kế 9 tháng: Tăng trưởng GRDP là 9,78%, trong đó: Khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,52%; Khu vực Công nghiệp và xây dựng tăng 15,73%; Khu vực Dịch vụ tăng 12,21%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp tăng 4,67%.

d) Mục tiêu Quý IV/2025 so với Quý IV/2024: Tăng trưởng GRDP là 10,59%, trong đó: Khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 5,62%; Khu vực Công nghiệp và xây dựng tăng 17,11%; Khu vực Dịch vụ tăng 12,00%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp tăng 1,93%.

Lũy kế cả năm 2025: Tăng trưởng GRDP từ 10% trở lên. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,80%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 16,15%; khu vực dịch vụ tăng 12,15%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 4,02%.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Năm 2025, tỉnh An Giang đặt ra 17 chỉ tiêu kinh tế - xã hội, trong đó phấn đấu đạt mức tăng trưởng GRDP từ 10% trở lên, GRDP bình quân đầu người đạt 75 triệu đồng, an sinh xã hội, quốc phòng - an ninh được đảm bảo. Theo đó, tỉnh tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho sản xuất kinh doanh; cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, đẩy mạnh thu hút đầu tư; phát triển hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các khu chức năng khu kinh tế cửa khẩu,... để thúc đẩy tăng trưởng.

Trên cơ sở đó, các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố căn cứ các văn bản: (1) Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 16/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của tỉnh An Giang; (2) Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 16/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2025; (3) Công văn số 59/UBND-TH ngày 16/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang năm 2025 và Kế hoạch này để tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp, nhằm đạt và vượt mục tiêu tăng trưởng đề ra. Trong đó, cần tập trung một số nhiệm vụ sau:

1. Duy trì, nâng cao chất lượng tăng trưởng các ngành, lĩnh vực kinh tế chủ yếu

a) Lĩnh vực nông, lâm, thủy sản

Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng nâng cao giá trị, hiệu quả và phát triển bền vững; ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp sạch, gắn sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Phấn đấu giá trị tăng thêm đạt 4,8%; tổng sản lượng lúa ước đạt 4,1 triệu tấn, trong đó: lúa chất lượng cao khoảng 60%/diện tích gieo trồng; xây dựng các vùng chuyên canh, các vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp hàng hóa và lộ trình thực hiện theo các ngành hàng chủ lực của tỉnh;

tăng cường công tác quản lý vùng trồng để xuất khẩu và mở rộng thị trường nông sản; tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta lúa chuyên canh chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng ĐBSCL đến năm 2030” và Đề án “Cơ cấu lại ngành Nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 tỉnh An Giang”.

Rà soát, tổ chức lại các vùng sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và chăn nuôi gia súc tập trung phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương để phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp hiệu quả trong thời gian tới. Trong đó, khuyến khích phát triển chăn nuôi trang trại, phấn đấu tăng tổng đàn so với kế hoạch. Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành thủy sản, đảm bảo cơ cấu phù hợp ổn định giữa khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản. Phấn đấu sản lượng thủy sản ước đạt 737.500 tấn, trong đó: diện tích nuôi trồng khoảng 2.915 ha với tổng sản lượng khoảng 735.000 tấn.

Tăng cường giới thiệu tiềm năng, thế mạnh nông nghiệp của địa phương để xúc tiến mời gọi doanh nghiệp đầu tư chế biến nông, lâm, thủy sản cũng như liên kết sản xuất và tiêu thụ theo chuỗi giá trị một cách hiệu quả và bền vững.

Tập trung nguồn lực đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cho các nhóm sản phẩm chủ lực, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phục vụ phát triển sản xuất, đẩy nhanh quá trình phát triển nông nghiệp theo chiều sâu, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và chuyển đổi số trong nông nghiệp.

b) Lĩnh vực công nghiệp

Tiếp tục đẩy mạnh chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp phục hồi và phát triển sản xuất, nhất là lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo; kịp thời xử lý các vướng mắc về đầu tư tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, để đảm bảo quỹ đất bố trí cho dự án thứ cấp triển khai đầu tư dự án; tập trung hoàn thành quy hoạch và ưu tiên phát triển các nhà máy chế biến sâu về nông sản, thủy sản ngay tại vùng nguyên liệu; phát triển công nghiệp năng lượng, đặc biệt là các dự án điện năng lượng mặt trời, điện rác, điện sinh khối ... góp phần phấn đấu chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 14,48% so với cùng kỳ.

Triển khai có hiệu quả các Đề án phát triển thương mại biên giới, Đề án xây dựng thương hiệu gạo tỉnh An Giang và Đề án án phát triển logistics trên địa tỉnh An Giang, làm tiền đề để thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa tỉnh theo hướng chất lượng cao - giảm chi phí - nâng cao năng lực cạnh tranh cả thị trường nội địa và thế giới.

Chuẩn bị, điều phối đầy đủ nguồn nguyên liệu cho sản xuất, tăng cường nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh, hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp dệt may, da giày. Theo dõi sát diễn biến thị trường cung cầu hàng hóa, nhất là các mặt hàng thiết yếu. Tiếp tục kết nối và hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu tỉnh An Giang tiếp cận với các sàn thương mại điện tử xuyên biên giới, mở rộng thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh và từng bước khẳng định vị thế sản phẩm tỉnh An Giang trên thị trường thế giới.

c) Lĩnh vực xây dựng

Kiểm soát chặt chẽ và điều chỉnh giá nguyên vật liệu xây dựng phù hợp

với tình hình thực tế thị trường, đặc biệt là cát và đá xây dựng, không để tình trạng tăng đột biến, điều chỉnh giá các gói thầu theo quy định, tránh ảnh hưởng đến tiến độ thi công các dự án.

Tập trung rà soát tháo gỡ ngay các điểm nghẽn đối với thị trường bất động sản, đặc biệt các vướng mắc pháp lý của các dự án sau kết luận thanh tra, kiểm tra, hỗ trợ các chủ đầu tư, nhà đầu tư nhằm đẩy nhanh thủ tục đầu tư và tiến độ thi công dự án để khơi thông nguồn lực đầu tư, đặc biệt là nguồn lực đầu tư của doanh nghiệp, trong dân;

Tập trung thực hiện Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030”, trong đó phần đầu cao nhất đề hoàn thành chỉ tiêu xây dựng nhà ở xã hội theo Chương trình phát triển nhà ở tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 mà tỉnh đã đề ra.

Tập trung thực hiện Chương trình phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh; hoàn thành điều chỉnh Đồ án Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế cửa khẩu An Giang đến năm 2045 và Đề cương nhiệm vụ Quy hoạch chung thành phố Long Xuyên trình Thủ tướng phê duyệt. Đồng thời, tập trung hoàn chỉnh các Quy hoạch xây dựng, Quy hoạch đô thị và Quy hoạch phân khu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc cấp phép xây dựng các công trình, dự án đầu tư và xây dựng trong dân.

d) Lĩnh vực dịch vụ

Tiếp tục theo dõi sát tình hình diễn biến thị trường để kịp thời đề xuất các giải pháp đảm bảo cung cầu hàng hóa, ổn định thị trường, phát triển hệ thống phân phối; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng, niêm yết giá, nhất là các mặt hàng lúa, gạo, thịt heo, xăng dầu,... Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp, xúc tiến thương mại trong và ngoài nước để giới thiệu, quảng bá, kết nối tiêu thụ sản phẩm, mở rộng thị trường xuất khẩu. Phân đấu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 140.000 tỷ đồng; kim ngạch xuất khẩu ước đạt 1.230 triệu USD.

Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường xuất khẩu đối với các thị trường trọng điểm, đặc biệt tận dụng tối đa dư địa xuất khẩu thị trường do các FTA mang lại, đặc biệt là các FTA thế hệ mới với như CPTPP, EVFTA, RCEP.

Tiếp tục triển khai các giải pháp, chương trình kích cầu du lịch, phát triển sản phẩm du lịch đặc thù gắn với xây dựng thương hiệu riêng cho các khu, điểm du lịch; hướng dẫn triển khai mô hình quản lý khu du lịch cấp tỉnh đến các địa phương vùng du lịch trọng điểm; tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến, liên kết, hợp tác phát triển du lịch thông qua các hội nghị, hội thảo,... Phân đấu tổng lượt khách du lịch ước đón trên 10 triệu lượt khách, tổng doanh thu phân đấu đạt 11.000 tỷ đồng.

Thực hiện các giải pháp mở rộng tín dụng hiệu quả đi đôi với kiểm soát chất lượng tín dụng, nhất là đối với các lĩnh vực ưu tiên (nông nghiệp nông

thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, ứng dụng công nghệ cao...), hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, gắn với thực hiện các chính sách tín dụng trọng điểm của ngành, các chương trình, đề án của tỉnh.

2. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho sản xuất kinh doanh; cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, đẩy mạnh thu hút đầu tư

Duy trì thường xuyên các buổi đối thoại doanh nghiệp, gặp gỡ nhà đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư, doanh nghiệp, hợp tác xã sớm đưa các dự án triển khai và đưa vào hoạt động.

Tích cực huy động vốn tại địa phương, tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, hướng tín dụng vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, động lực tăng trưởng, chương trình, chính sách tín dụng theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; thực hiện các giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng.

Nhanh chóng tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh minh bạch thông qua việc tập trung cải thiện điểm số và thứ bậc chỉ số Cải cách hành chính: PAR INDEX, SIPAS, PCI, PGI và PAPI của tỉnh. Công khai, minh bạch các chính sách ưu đãi đến người dân, doanh nghiệp; khuyến khích, tạo thuận lợi cho việc thành lập mới doanh nghiệp gắn với việc hướng dẫn doanh nghiệp đăng ký doanh nghiệp qua mạng; thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã.

Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, gắn liền với tăng cường giám sát, kiểm tra, đôn đốc trong giải quyết thủ tục hành chính để giảm tầng nấc trung gian, chấm dứt tình trạng kéo dài thời gian giải quyết qua nhiều cơ quan, đơn vị. Thực hiện nghiêm việc công bố, công khai, minh bạch, đầy đủ thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, gắn với việc thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, nhà đầu tư tham gia đầu tư, sản xuất kinh doanh.

Thường xuyên rà soát, cập nhật danh mục thu hút dự án trên địa bàn tỉnh; thường xuyên rà soát, thu hồi các dự án vốn ngoài ngân sách đã cấp Quyết định chủ trương đầu tư nhưng chậm triển khai hoặc không triển khai đầu tư. Phấn đấu huy động vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 50.563 tỷ đồng, trong đó: Vốn đầu tư công 9.807 tỷ đồng. Đồng thời, phát huy hiệu quả Hội nghị Giới thiệu tiềm năng đầu tư và quảng bá sản phẩm đặc trưng tỉnh An Giang để tập trung thu hút đầu tư các dự án trong và ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp nhằm đảm bảo mục tiêu đề ra.

3. Thực hiện cơ chế chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp, các khu chức năng khu kinh tế cửa khẩu

Triển khai có hiệu quả chính sách ưu đãi đầu tư hạ tầng tại các cụm công nghiệp. Đẩy mạnh chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp phục hồi và phát

triển sản xuất, nhất là trong khu vực chế biến, chế tạo; tiếp tục rà soát tình hình đầu tư các dự án công nghiệp trọng điểm trên địa bàn tỉnh, nhất là các dự án có giá trị gia tăng cao.

Tập trung tháo gỡ kịp thời, xử lý các vướng mắc về đầu tư tại các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh; phát huy hiệu quả vai trò, hoạt động của Tổ công tác về tháo gỡ khó khăn trong quá triển triển khai dự án đầu tư vào các cụm công nghiệp, khu công nghiệp (Vàm Cống, Định Thành, Xuân Tô, Hội An, ...). Tập trung rà soát, tổng hợp các dự án kêu gọi đầu tư các dự án tại Khu kinh tế kinh tế cửa khẩu, các khu công nghiệp vào danh mục các dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương và các tỉnh/thành trong vùng ĐBSCL tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế của vùng, triển khai các dự án mang tính kết nối quan trọng giữa các tỉnh trong vùng, liên vùng và liên ngành. Tập trung hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đầu tư Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh An Giang.

4. Tăng thu ngân sách, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công

Tiếp tục xác định giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu của các cấp, các ngành; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đề cao hơn nữa vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu. Các chủ đầu tư và các đơn vị đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm của tỉnh, đặc biệt là các dự án hạ tầng giao thông sớm đưa vào sử dụng và phát huy tối đa công suất thiết kế, hiệu quả kinh tế - xã hội;

Các Sở, ban, ngành, địa phương phân công cụ thể lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo kiểm tra, rà soát từng dự án cụ thể; kiểm soát chặt chẽ sự cần thiết, quy mô từng dự án theo đúng mục tiêu, quy hoạch được duyệt, bảo đảm hiệu quả đầu tư và kết quả đầu ra của từng dự án; lập kế hoạch giải ngân chi tiết từng dự án và tuân thủ nghiêm kế hoạch theo từng tháng, từng quý; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và chịu trách nhiệm về kết quả giải ngân của từng dự án, coi đây là căn cứ quan trọng khi đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm 2025.

Tập trung hoàn thành các thủ tục đưa vào đấu giá các tài sản công đủ điều kiện để thực hiện. Đẩy mạnh cơ cấu lại thu chi ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước; tăng cường công tác quản lý, chống thất thu; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra thuế, chống chuyển giá, trốn thuế, gian lận thuế, quyết liệt xử lý nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế. Phấn đấu tổng thu ngân sách đạt trên 8.417 tỷ đồng.

Phát huy hơn nữa hiệu quả hoạt động của các Đoàn công tác kiểm tra công trình trọng điểm của tỉnh. Trong đó, tăng cường kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2025; kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện để đảm bảo tiến độ, hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư công; rà soát, đề xuất cắt giảm, điều chuyển vốn từ các dự án chậm giải ngân sang các dự án giải ngân tốt hơn; tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án trọng điểm của tỉnh.

Đẩy nhanh tiến độ các công trình hạ tầng trọng điểm, có tính liên kết vùng; tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tập trung hoàn thành các dự án trọng điểm đang thực hiện và dự kiến hoàn thành trong năm 2025. Phối hợp với cơ quan chức năng của Bộ Xây dựng triển khai các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông trọng điểm của Trung ương đầu tư qua địa bàn tỉnh, góp phần kết nối liên kết vùng,... Đẩy mạnh đầu tư phát triển mạng lưới cấp điện trên địa bàn tỉnh; khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển năng lượng tái tạo theo quy hoạch; tập trung huy động các nguồn lực đầu tư hoàn thiện hạ tầng thủy lợi; giao thông, thương mại, các khu, điểm du lịch,.. phát triển hạ tầng bưu chính - viễn thông với công nghệ mới, đồng bộ, hiện đại, đảm bảo cho yêu cầu kết nối, nhu cầu thông tin liên lạc của người dân, đảm bảo cho mục tiêu phát triển xã hội số - kinh tế số của tỉnh.

Thực hiện kiểm soát giá và chất lượng nguyên vật liệu xây dựng phục vụ cho các dự án đầu tư công; tăng cường kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các vi phạm, nhất là việc giao mỏ nguyên vật liệu không đúng đối tượng, không đúng thẩm quyền. Cập nhật, điều chỉnh công bố giá vật liệu xây dựng, phù hợp với diễn biến giá thị trường. Xử lý nghiêm tình trạng tạo khan hiếm giả, liên kết giữa các chủ mỏ vật liệu để nâng giá, khai thác, cung cấp không đúng quy định làm ảnh hưởng đến việc thi công các dự án,...

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Về công tác triển khai

Để đảm bảo sâu sát, kịp thời, bám sát thực tiễn, linh động trong công tác chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định thành lập 04 Tổ Công tác chỉ đạo việc thực hiện tăng trưởng kinh tế của tỉnh An Giang gồm: Tổ Công tác số 01: Theo dõi lĩnh vực cải cách hành chính, đẩy mạnh phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số. Tổ Công tác số 2: Theo dõi lĩnh vực phát triển công nghiệp, xây dựng và đầu tư công. Tổ Công tác số 03: Theo dõi lĩnh vực phát triển dịch vụ và du lịch. Tổ Công tác số 04: Theo dõi lĩnh vực nông nghiệp, tài nguyên và môi trường.

Căn cứ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2025, Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh và Kế hoạch này, Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tập trung thực hiện một số nội dung trọng tâm sau:

- Chủ động nghiên cứu, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các nhiệm vụ, giải pháp hiệu quả, tối ưu nhất trên cơ sở khai thác tối đa tiềm lực của địa phương để đạt mức tăng trưởng đề ra nhưng phải đảm bảo tính bền vững.

- Tập trung rà soát, bổ sung kế hoạch, chương trình công tác của cơ quan và địa phương đảm bảo không bỏ sót, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, giải pháp để thúc đẩy tăng trưởng, trong đó, tập trung vào các động lực mới, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, thúc đẩy tiêu dùng và xuất khẩu;

- Các Sở, ban, ngành tỉnh được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện đẩy mạnh tăng trưởng các khu vực kinh tế chịu trách nhiệm chính trong việc tham mưu

Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

+ Khu vực 1: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các Sở, ngành và địa phương liên quan.

+ Khu vực 2: Sở Công Thương chủ trì, phối hợp các Sở, ngành và địa phương liên quan phụ trách lĩnh vực Công nghiệp. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các Sở, ngành và địa phương liên quan phụ trách lĩnh vực Xây dựng;

+ Khu vực 3: Sở Công Thương chủ trì, phối hợp các Sở, ngành và địa phương liên quan phụ trách lĩnh vực thương mại, xuất nhập khẩu. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp các Sở, ngành và địa phương liên quan phụ trách lĩnh vực dịch vụ du lịch.

- Thường xuyên theo dõi tình hình sản xuất của các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn, kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh những giải pháp tháo gỡ vướng mắc của các doanh nghiệp, hợp tác xã và các giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Nêu cao tinh thần, trách nhiệm chủ động, sáng tạo với tinh thần quyết tâm cao, hành động quyết liệt, chú trọng công tác phối hợp, nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt các mục tiêu theo kịch bản đã đề ra; thường xuyên kiểm tra đôn đốc, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, cập nhật báo cáo đầy đủ tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao. Phấn đấu, nỗ lực cao nhất nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng hai con số trong năm 2025.

- Giao Sở Tài chính chủ trì, theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện nhiệm vụ được phân công theo Kế hoạch; định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả tổ chức thực hiện; tham mưu, đề xuất sửa đổi, bổ sung nếu cần thiết.

(Đính kèm các Phụ lục)

2. Về chế độ báo cáo

a) Đối với các tháng 01, 02, 4, 5, 7, 8, 10, 11:

- Báo cáo ước kết quả thực hiện của tháng: Các Sở, ban, ngành gửi về Sở Tài chính **chậm nhất ngày 20 của tháng**. Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính theo yêu cầu.

- Báo cáo chính thức kết quả thực hiện của tháng: Các Sở, ban, ngành gửi về Sở Tài chính **chậm nhất ngày 30 của tháng**.

b) Đối với các báo cáo quý I, 6 tháng và 9 tháng:

- Các cơ quan, đơn vị báo cáo ước kết quả thực hiện, gửi về Sở Tài chính tổng hợp chậm nhất đến ngày **20/3/2025** (báo cáo quý I), ngày **20/6/2025** (báo cáo 6 tháng) và ngày **20/9/2025** (báo cáo 9 tháng).

- Ngoài ra, căn cứ tình hình thực tế và yêu cầu của Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ ban hành văn bản chỉ đạo cụ thể. Giao Sở Tài chính chủ động theo dõi, kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện báo cáo theo yêu cầu.

c) Đối với báo cáo năm 2025

Căn cứ tình hình thực tế và hướng dẫn của Bộ Tài chính, giao Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn các cơ quan, đơn vị và địa phương tổ chức thực hiện.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố nghiêm túc triển khai, tổ chức thực hiện, phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu Kế hoạch đề ra.

Trong quá trình tổ chức thực hiện có phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, các phòng thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Phước

PHỤ LỤC I**Các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 tỉnh An Giang***(Kèm theo Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 25/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Theo Nghị quyết số 81/NQ-HĐND	Theo Quyết định số 60/QĐ-UBND
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP (Giá SS 2010)	%	8,50	10,0
2	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	75	75
3	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	50.563	50.563
4	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	1.230	1.230
5	Thu ngân sách từ kinh tế địa bàn	Tỷ đồng	8.471	8.471
6	Tỷ lệ đô thị hóa	%	43	45
7	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%	55	55
8	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân	%	73	73
9	Số lao động có việc làm mới trong độ tuổi lao động	%	05	05
10	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm bình quân %/năm	%	0,5 - 1,0	0,5 - 1,2
11	Số bác sĩ trên 01 vạn dân	Bác sĩ	11	11
12	Số giường bệnh trên 01 vạn dân	Giường	28	28,7
13	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia Bảo hiểm xã hội	%	17,64	17,64
	Bảo hiểm xã hội bắt buộc	%	13,46	13,46
	Bảo hiểm xã hội tự nguyện	%	4,18	4,18
14	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế	%	95	95
15	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	06	06

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Theo Nghị quyết số 81/NQ-HĐND	Theo Quyết định số 60/QĐ-UBND
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Xã	02	02
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	Xã	01	01
16	Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	96,5	96,5
17	Tỷ lệ cơ quan nhà nước các cấp hoàn thiện chính quyền điện tử	%	90	90

PHỤ LỤC II
Kịch bản tăng trưởng kinh tế tỉnh An Giang năm 2025
(Kèm theo Kế hoạch số 182 /KH-UBND ngày 25/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Mục tiêu quý I	Mục tiêu 6 tháng	Mục tiêu 9 tháng	Mục tiêu cả năm
I	Chỉ tiêu điều hành vĩ mô					
1	Cân đối ngân sách nhà nước					
1.1	Thu ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	2.117	4.234	6.352	8.471
1.2	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	6.025	12.050	18.075	24.100
2	Đầu tư từ nước ngoài trên địa bàn	Dự án	1	1	2	2
3	Phát triển doanh nghiệp trong nước					
3.1	Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới	Doanh nghiệp	275	550	825	1.100
3.2	Số vốn đăng ký mới	Tỷ đồng	1.750	3.500	5.250	7.000
3.3	Số doanh nghiệp ngừng hoạt động	Doanh nghiệp	50	100	150	200
II	Tăng trưởng GRDP (Theo giá so sánh năm 2010)		9,03	9,94	9,78	10,00
1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	3,96	4,72	4,52	4,80
2	Công nghiệp và xây dựng	%	14,99	15,38	15,73	16,15

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Mục tiêu quý I	Mục tiêu 6 tháng	Mục tiêu 9 tháng	Mục tiêu cả năm
3	Dịch vụ	%	13,23	12,32	12,21	12,15
4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	%	3,77	4,05	4,67	4,02
III	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	13,27	14,28	14,67	14,48
IV	Các chỉ tiêu dịch vụ					
1	Tổng mức bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	27.248	51.780	75.159	100.000
2	Doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	10.700	20.695	30.192	40.000
3	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	273	585	907	1.230
4	Kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	55	116	178	240
5	Du lịch					
5.1	Tổng lượt khách đến An Giang	Nghìn lượt	4.000	7.000	9.000	10.000
5.2	Tổng doanh thu từ du lịch	Tỷ đồng	4.600	7.800	9.800	10.800

PHỤ LỤC III**Nhiệm vụ cụ thể của từng Sở, ban, ngành, địa phương***(Kèm theo Kế hoạch số 182 /KH-UBND ngày 25/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

STT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
1	Sở Tài chính		
1.1	Xây dựng Đề án nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế trong năm 2025 và những năm tiếp theo	Quý II/2025	
1.2	Phối hợp Cục Thống kê tỉnh và các Sở, ban, ngành có liên quan theo dõi, đôn đốc, đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công hàng tháng, quý, 6 tháng và năm 2025; kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp điều hành để hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.	Cả năm 2025	
1.3	Tiếp tục triển khai hiện Nghị quyết của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025	Cả năm 2025	
1.4	Phối hợp các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung tối đa nguồn lực để tổng rà soát lại các quy hoạch, tiến hành cập nhật, điều chỉnh bổ sung các quy hoạch chuyên ngành để đảm bảo phù hợp với định hướng Quy hoạch tỉnh. Trên cơ sở đó, lập các danh mục dự án cụ thể, đủ điều kiện pháp lý kêu gọi đầu tư, phù hợp với tiềm năng, thế mạnh và định hướng phát triển để lập thủ tục đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư trong năm 2025 và cả giai đoạn sau.	Quý II/2025	

STT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
1.5	Tập trung hỗ trợ các nhà đầu tư, các tập đoàn lớn đã đăng ký khảo sát đầu tư, nghiên cứu đầu tư dự án tại tỉnh để hoàn thiện các thủ tục đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, có thế mạnh về tài chính và công nghệ để triển khai các dự án về phát triển hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các khu chức năng khu kinh tế cửa khẩu, phát triển đô thị - nhà ở thương mại - nhà ở xã hội; phát triển du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, quy mô lớn gắn với nhà máy chế biến lương thực, thực phẩm; công nghệ thông tin, chuyển đổi số và xử lý môi trường, sản xuất năng lượng sạch	Năm 2025	
1.6	Tiếp tục rà soát các nội dung hạn chế, bất cập của Quy hoạch tỉnh (nếu có) để kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch.	Năm 2025	
1.7	Tăng cường tuyên truyền, giới thiệu về tiềm năng, thế mạnh, cơ hội đầu tư tại tỉnh, tập trung kêu gọi đầu tư vào 06 lĩnh vực chính: (1) Công nghiệp, hạ tầng khu, cụm công nghiệp, các khu chức năng của khu kinh tế cửa khẩu; (2) Cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu nhà ở, nhà ở thương mại, nhà ở xã hội, nhà ở công nhân; (3) Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với vùng nguyên liệu tập trung; (4) Sản xuất công nghiệp chế biến sâu, chế biến tinh, các ngành sản xuất mới phù hợp với tiềm năng của tỉnh (5) Thương mại, dịch vụ, du lịch; (6) Công nghệ thông tin và xử lý môi trường.	Năm 2025	
1.8	Tập trung đổi mới, nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư; tiếp tục quan tâm hỗ trợ nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan quy hoạch, thủ tục đầu tư, đất đai, giải phóng mặt bằng,...	Năm 2025	

STT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
1.9	Tập trung triển khai có hiệu quả kế hoạch đầu tư công năm 2025; quyết liệt đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, đặc biệt là các dự án quan trọng, trọng điểm, các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ, Chương trình mục tiêu Quốc gia. Tăng cường đôn đốc, kiểm tra, giám sát các chủ đầu tư, nhà thầu đẩy nhanh các thủ tục, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, đảm bảo hoàn thành 100% kế hoạch.		
1.1	Chủ trì, phối hợp Kho bạc Nhà nước tỉnh theo dõi việc triển khai thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương và trung ương; theo dõi tiến độ triển khai thực hiện và giải ngân các dự án đầu tư công để kịp thời xử lý hoặc đề xuất tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của các chủ đầu tư nhằm phân đấu giải ngân tối đa số vốn kế hoạch.	Quý I/2025	
1.11	Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thúc đẩy ký kết thỏa thuận hợp tác phát triển kinh tế - xã hội với các tỉnh, thành phố trong vùng DBSCL. Phát huy tối đa lợi thế, tiềm năng của từng địa phương trong phát triển kinh tế - xã hội. Tham mưu triển khai có hiệu quả hoạt động của Tổ công tác về tháo gỡ khó khăn cho các dự án; tập trung rà soát, phân loại và đề xuất cơ chế, chính sách để tháo gỡ các vướng mắc, sớm đưa vào sử dụng, giải phóng nguồn lực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.	Quý II/2025	
1.12	Thực hiện có hiệu quả các biện pháp quản lý thu, chi ngân sách; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong điều hành ngân sách, bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả. Rà soát, huy động đủ nguồn lực để thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ưu tiên chi đầu tư phát triển, nhất là các dự án trọng điểm, quan trọng, cấp bách; triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, nhất là các khoản chi chưa thực sự cần thiết. Tham mưu, đề xuất, điều hành có hiệu quả dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, đảm bảo hoàn thành dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao.	Năm 2025	

STT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
1.13	Tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng chặt chẽ, có hiệu quả, đúng quy định của pháp luật về tài sản công, nhất là đất đai, trụ sở,...; rà soát, thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với cơ sở nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước,... trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật. Xây dựng phương án về giá để tổ chức đấu giá tài sản công, quỹ đất của các trụ sở cơ quan nhà nước sau khi di dời để kêu gọi dự án đầu tư, tăng thu ngân sách.	Năm 2025	
2	Sở Nông nghiệp và Môi trường		
2.1	Kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có những chính sách, giải pháp thực hiện phù hợp để đạt các chỉ tiêu: (1) Tốc độ tăng trưởng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,80%; (2) Có thêm 06 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; (3) Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh là 96,5%.	Năm 2025	
2.2	Xây dựng và triển khai Chương trình Tái cơ cấu nông nghiệp giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 28/3/2022 phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh An Giang; Chương trình hành động thực hiện Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng ĐBSCL”; Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 29/6/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác gắn với tổ chức sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị ngành hàng chủ lực tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025. Thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ người trồng lúa theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa và các chương trình, đề án khác thuộc quản lý của ngành.	Năm 2025	

STT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
2.3	Tiếp tục triển khai có hiệu quả, thực chất Đề án phát triển bền vững một triệu hécta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng ĐBSCL đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; nhân rộng các mô hình sản xuất chuyên canh theo Đề án này, mang lại hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập cho người dân tham gia mô hình, trên cơ sở đó sẽ tiếp tục áp dụng khoa học kỹ thuật, điều chỉnh bổ sung để tổ chức tốt hơn trong thời gian tới.	Năm 2025	
2.4	Rà soát, tổ chức lại các vùng sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và chăn nuôi gia súc tập trung phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương để phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp hiệu quả trong thời gian tới. Trên cơ sở đó, tập trung nguồn lực đầu tư và kêu gọi đầu tư các dự án trọng điểm, ưu tiên của tỉnh tập trung vào các nhóm sản phẩm chủ lực như lúa gạo, thủy sản, trái cây và dược liệu.	Quý I/2025	
2.5	Tăng cường huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phục vụ phát triển sản xuất, đẩy nhanh quá trình phát triển nông nghiệp theo chiều sâu, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và chuyển đổi số trong nông nghiệp. Tiếp tục tranh thủ các nguồn lực, trong đó có vốn ODA để phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi, tập trung đầu tư từng vùng sản xuất gắn với các mô hình sinh kế nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và tăng thu nhập của người dân trong vùng, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu.	Năm 2025	
2.6	Đổi mới và nhân rộng các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả, trọng tâm là phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ theo chuỗi giá trị, kết nối với hệ thống tiêu thụ, trong đó hợp tác xã giữ vai trò chủ đạo; phát triển trang trại theo hướng chú trọng việc tổ chức sản xuất hàng hóa quy mô lớn, chất lượng cao.	Năm 2025	

STT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
2.7	Dự báo và xây dựng phương án tiêu thụ nông sản kịp thời cho người dân, khắc phục tình trạng được mùa mất giá gây thiệt hại cho người sản xuất; tiếp tục xây dựng thương hiệu sản phẩm gắn với nâng cao chất lượng nông sản, đảm bảo an toàn thực phẩm và phù hợp thị hiếu người tiêu dùng. Phát triển mạnh sản phẩm đạt chứng nhận OCOP từ 03 - 04 sao trở lên theo hướng nâng cao giá trị, đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu, mang lại giá trị gia tăng cao.	Năm 2025	
2.8	Tiếp tục rà soát, đánh giá kết quả thực chỉ tiêu sử dụng đất đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 và Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12/3/2024. Chủ động đề xuất Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất cho tỉnh An Giang theo hướng tăng diện tích đất cho sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ - du lịch và phát triển du lịch để đảm bảo đủ không gian cho các hoạt động kinh tế, phát triển theo mức 2 con số theo chỉ đạo của Chính phủ. Theo dõi kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được phê duyệt, giám sát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang mục đích khác.	Quý I/2025	
2.9	Xác định giá đất cụ thể đối với các dự án nằm trong kế hoạch thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất khi Nhà nước thu hồi đất cho từng dự án. Tiếp tục rà soát, bổ sung giá đất có biến động đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.	Quý I/2025	
2.10	Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực đất đai, khoáng sản, môi trường, rút ngắn tối đa thời gian giải quyết thủ tục hành chính về đất đai, giao đất, cho thuê đất, phối hợp với Cục thuế tỉnh sớm xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai đảm bảo quy định để triển khai dự án;	Năm 2025	

STT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
2.11	Phối hợp với các ngành và các địa phương kiểm tra, tập trung giải quyết các vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh. Tập trung giải quyết các vướng mắc liên quan đến công tác cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân và tổ chức kinh trên địa bàn tỉnh; thẩm định hồ sơ cấp giấy phép tài nguyên nước, giấy phép khoáng sản, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và giấy phép môi trường;	Năm 2025	
2.12	Quản lý, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên đất đai, tài nguyên khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để quản lý hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền của tỉnh; cân đối nguồn cát phục vụ các cao tốc và các công trình trọng điểm của tỉnh.	Năm 2025	
2.13	Tăng cường năng lực thu gom, thúc đẩy tái sử dụng, tái chế chất thải, hạn chế tối đa việc chôn lấp rác thải. Thông kê đầy đủ, rà soát tình hình hoạt động của các bãi chôn lấp rác thải, đề xuất lộ trình đóng cửa, xử lý triệt để tình trạng ô nhiễm tại các bãi chôn lấp rác thải. Trên cơ sở phân tích, đánh giá số liệu về tình hình quản lý rác thải, đề xuất các dự án kêu gọi đầu tư và kèm các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư xử lý chất thải rắn phát điện theo công nghệ hiện đại, hạn chế hoặc không chôn lấp đảm bảo hiệu quả về kinh tế, bền vững về môi trường.	Năm 2025	
2.14	Thực hiện tốt công tác bảo vệ, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực đất đai, quản lý tài nguyên, môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo lĩnh vực đất đai, xây dựng, môi trường.	Năm 2025	
3	Sở Xây dựng		

STT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
3.1	Chủ trì, phối hợp với các Sở ban ngành và địa phương kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có những chính sách, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện phù hợp để đảm bảo đạt được các chỉ tiêu (1) Phân đầu tỷ lệ đô thị hóa đạt 45%; (2) Thực hiện tốt các chỉ tiêu tăng trưởng khu vực xây dựng.	Năm 2025	
3.2	Phối hợp, hướng dẫn các Sở ngành và địa phương triển khai công lập và thực hiện Quy chế quản lý kiến trúc đô thị, nông thôn; tham mưu tổ chức lập các quy hoạch: quy hoạch phân khu, quy hoạch vùng huyện, quy hoạch các đô thị mới, quy hoạch không gian ngầm và điều chỉnh các quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đô thị (cấp nước, thoát nước, chiếu sáng, ...) đáp ứng nhu cầu phát triển;	Năm 2025	
3.3	Đẩy nhanh tiến độ thẩm định, trình phê duyệt dự án đầu tư, thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công, rút ngắn tối đa thời gian giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực xây dựng, đầu tư công và đầu tư tư nhân. Hỗ trợ các chủ đầu tư (nhà đầu tư) sớm hoàn chỉnh các thủ tục đầu tư xây dựng để sớm triển khai các dự án, đưa nguồn lực vào nền kinh tế.	Năm 2025	
3.4	Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm soát chặt chẽ và điều chỉnh giá nguyên vật liệu xây dựng phù hợp với tình hình thực tế thị trường, đặc biệt là cát và đá xây dựng, không để tình trạng tăng đột biến, điều chỉnh giá các gói thầu theo quy định, tránh ảnh hưởng đến tiến độ thi công các dự án.	Năm 2025	
3.5	Tiếp tục phấn đấu nâng tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu so với đất xây dựng đô thị theo quy hoạch chung đạt khoảng 68%; quy hoạch chi tiết so với đất xây dựng đô thị theo quy hoạch chung đạt khoảng 23%; phân đầu tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 45%. Phát huy mọi nguồn lực về vốn đầu tư thực hiện đầu tư nâng cấp kết nối đồng bộ kết cấu hạ tầng giao thông đáp ứng nhu cầu vận tải, phát triển kinh tế - xã hội.	Năm 2025	

STT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
3.6	Thực hiện tốt các Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ nhà ở đối với hộ gia đình người có công với cách mạng và hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở đối với hộ nghèo,... Tập trung thực hiện Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030”, trong đó phần đầu cao nhất để hoàn thành chỉ tiêu xây dựng nhà ở xã hội theo Chương trình phát triển nhà ở tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 mà tỉnh đã đề ra.	Năm 2025	
3.7	Phối hợp với các chủ đầu tư và các đơn vị đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án giao thông trọng điểm, sớm đưa vào sử dụng và phát huy tối đa công suất thiết kế, hiệu quả kinh tế - xã hội: dự án thành phần 1 Tuyến cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng (giai đoạn 1); Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất kiến nghị Trung ương hỗ trợ đầu tư các dự án: (1) Dự án Tuyến nối từ điểm đầu đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng đến cửa khẩu Tịnh Biên và điểm đầu đường cao tốc đến điểm đầu Quốc lộ 91 đi cửa khẩu Khánh Bình (theo tuyến Quốc lộ 91C); (2) Xây dựng tuyến đường liên kết vùng - cầu Tôn Đức Thắng (kết nối thành phố Long Xuyên với huyện Chợ Mới qua cồn Mỹ Hòa Hưng); (3) Dự án đầu tư xây dựng cầu Tân Châu - Hồng Ngự; (4) Dự án Tuyến tránh Quốc lộ 91 qua đô thị Cái Dầu - Vĩnh Thạnh Trung (nối đường tỉnh ĐT.945 và đường tỉnh ĐT.947), huyện Châu Phú, tỉnh An Giang; (5) Dự án Đường tỉnh 956 và nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 950 và đoạn kết nối Quốc lộ 110 tỉnh Kandal, Vương quốc Campuchia; Tuyến Khánh Bình - Chợ Mới (An Giang) - Lấp Vò (Đồng Tháp). Kêu gọi đầu các dự án cầu Năng Gù, cầu Thuận Giang, cầu An Hòa.	Năm 2025	
3.8	Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương nghiên cứu, đề xuất đầu tư các tuyến giao thông kết nối với các tuyến huyết mạch, trục ngang và trục dọc, giao thông nội tỉnh để liên thông đến các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị động lực, các khu, điểm du lịch và các khu chức năng khu kinh tế cửa khẩu, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kinh tế của người dân, doanh nghiệp và du khách.	Năm 2025	

STT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
3.9	Phối hợp Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thực hiện lồng ghép đầu tư phát triển hạ tầng giao thông với phát triển hạ tầng các khu, điểm du lịch trọng điểm của tỉnh. Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành, khai thác vận tải, liên kết các phương thức vận tải, quản lý vận tải đa phương thức. Kết nối các sản phẩm giao dịch vận tải hành khách, khách sạn để phát triển du lịch.	Năm 2025	
3.10	Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa; sửa chữa, bảo trì các tuyến đường đô thị, đường tỉnh. Tiếp tục rà soát, phát hiện kịp những hư hỏng, những điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông để khắc phục, giảm cả 3 tiêu chí về tai nạn giao thông.	Năm 2025	
4	Sở Công Thương		
4.1	Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có những chính sách, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện phù hợp để đảm bảo đạt các chỉ tiêu: (1) Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 14,08%; (2) Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt khoảng 140.000 tỷ đồng; (3) Kim ngạch xuất khẩu là 1.230 triệu USD.	Năm 2025	
4.2	Triển khai có hiệu quả các Đề án phát triển thương mại biên giới, Đề án xây dựng thương hiệu gạo tỉnh An Giang và Đề án phát triển logistics trên địa tỉnh An Giang, làm tiền đề để thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa tỉnh theo hướng chất lượng cao - giảm chi phí - nâng cao năng lực cạnh tranh cả thị trường nội địa và thế giới.	Quý I/2025	

STT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
4.3	Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường xuất khẩu đối với các thị trường trọng điểm, đặc biệt tận dụng tối đa dư địa xuất khẩu thị trường do các FTA mang lại, đặc biệt là các FTA thế hệ mới với như CPTPP, EVFTA, RCEP; phối hợp với các đơn vị liên quan hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại tại các thị trường mới, mở rộng thị phần tại những thị trường tiềm năng như các nước Hồi giáo Halal, Trung Đông, châu Phi... Tập trung đẩy mạnh tiến độ lựa chọn nhà đầu tư và khởi công xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp đã có nhà đầu tư đăng ký. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các cơ chế, chính sách hỗ trợ nhà đầu tư xây dựng hạ tầng kết nối với cụm công nghiệp mới được thành lập trên địa bàn tỉnh.	Năm 2025	
4.4	Chuẩn bị tốt các điều kiện, trình tự thủ tục để lựa chọn nhà đầu tư phát triển, sản xuất năng lượng tái tạo, điện sinh khối, đảm bảo an ninh năng lượng cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tập trung đầu tư đẩy mạnh phát triển hạ tầng thương mại, dịch vụ logistics, góp phần phát triển các chuỗi cung ứng hỗ trợ cho sản xuất, tiêu dùng hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu. Đặc biệt là phát triển hạ tầng thương mại biên giới tỉnh An Giang, góp phần thúc đẩy xuất khẩu theo hình thức chính ngạch sang thị trường Campuchia và các nước tiểu vùng sông Mê Công. Tăng cường hợp tác với các hãng dịch vụ logistics, tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu trong thời gian tới.	Năm 2025	
4.5	Chuẩn bị, điều phối đầy đủ nguồn nguyên liệu cho sản xuất, tăng cường nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh, hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp dệt may, da giày. Theo dõi sát diễn biến thị trường cung cầu hàng hóa, nhất là các mặt hàng thiết yếu. Tiếp tục kết nối và hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu tỉnh An Giang tiếp cận với các sàn thương mại điện tử xuyên biên giới, mở rộng thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh và từng bước khẳng định vị thế sản phẩm tỉnh An Giang trên thị trường thế giới.	Năm 2025	
5	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh		

STT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
5.1	Khẩn trương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và hoàn thiện Đề án đầu tư phát triển Khu kinh tế cửa khẩu để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt làm cơ sở huy động nguồn lực, triển khai các dự án tại Khu kinh tế cửa khẩu.	Quý I/2025	
5.2	Đẩy nhanh tiến độ lập, trình thẩm định, phê duyệt Đề án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế cửa khẩu An Giang đến năm 2045 ngay trong năm 2025 làm cơ sở cho các địa phương có địa giới hành chính nằm trong khu kinh tế thực hiện phê duyệt, điều chỉnh các quy hoạch của địa phương. Đồng thời, thực hiện chuẩn bị hồ sơ đầy đủ, sẵn sàng cho việc lập, điều chỉnh các quy hoạch phân khu chức năng, quy hoạch chi tiết để thực hiện phê duyệt ngay sau khi Đề án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu An Giang đến năm 2045 được phê duyệt làm cơ sở lập danh mục các dự án thu hút đầu tư và chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2026-2030.	Quý I/2025	
5.3	Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các địa phương khẩn trương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bố trí kinh phí thực hiện công tác lập, điều chỉnh quy hoạch, trong đó ưu tiên bố trí kinh phí cho các khu vực đã có Nhà đầu tư quan tâm và phải phù hợp với định hướng thu hút đầu tư của tỉnh. Trước mắt, điều chỉnh, bổ sung tại khu vực cửa khẩu Tịnh Biên và Vĩnh Xương nhằm thu hút các nhà đầu tư chiến lược phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch, đô thị sinh thái, nghỉ dưỡng.	Quý I/2025	
5.4	Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh tranh thủ nguồn vốn đầu tư Trung ương, ưu tiên nguồn đầu tư của Tỉnh để đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, trong đó, tập trung ưu tiên đầu tư cho Khu công nghiệp Xuân Tô - thị xã Tịnh Biên, Cụm công nghiệp Vĩnh Xương - Thị xã Tân Châu. Khẩn trương phối hợp Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh thực hiện nâng cấp cửa khẩu chính Khánh Bình lên cửa khẩu quốc tế đường bộ và đường sông Khánh Bình; thực hiện thủ tục mở cửa khẩu phụ Khánh An - Prek Chrey (huyện An Phú). Quan tâm nâng cấp hạ tầng các Khu Kinh tế Cửa khẩu, xây dựng Trung tâm Logistic...	Quý III/2025	

STT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
5.5	Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tăng cường thu hút và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phục vụ cho sự phát triển bền vững của các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu tỉnh An Giang.	Năm 2025	
5.6	Tập trung thu hút đầu tư vào sản xuất - kinh doanh tại các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu có chọn lọc theo các ngành có lợi thế cạnh tranh, có ý nghĩa chiến lược đối với sự tăng trưởng nhanh và bền vững của tỉnh, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, sử dụng nguồn nguyên liệu sẵn có của địa phương, giải quyết việc làm, đóng góp nhiều cho ngân sách như công nghiệp chế biến nông sản công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ, công nghiệp sinh thái, công nghiệp nhẹ.	Năm 2025	
5.7	Phối hợp với các lực lượng Công an, Biên phòng, Quân sự, Hải quan, và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tăng cường mối quan hệ phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự xã hội, phòng chống tội phạm trong địa bàn Khu Kinh tế.	Năm 2025	
6	Cục Thuế tỉnh		
6.1	Thực hiện cải cách thủ tục hành chính thuế. Tập trung triển khai thực hiện các đề án chống thất thu thuế trong lĩnh vực sử dụng đất, cho thuê đất, thuế khoán; xử lý nợ thuế và thu hồi nợ đọng thuế. Tăng cường khai thác nguồn thu vãng lai; kinh doanh qua mạng; bán đấu giá quyền sử dụng đất,... Triển khai đồng bộ các biện pháp quản lý thuế; tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra chống thất thu thuế, trốn thuế, nợ thuế. Triển khai hiệu quả Đề án “Chống thất thu trong giao dịch chuyển nhượng bất động sản trên địa bàn tỉnh đến năm 2025”.	Năm 2025	
6.2	Tổ chức quản lý chặt chẽ các nguồn thu, rà soát các doanh nghiệp, chi nhánh có đầu tư nhưng không thực hiện nộp thuế trên địa bàn, thu tiền thuê đất, tiền sử dụng đất; đôn đốc thực hiện thu đúng, kịp thời các nguồn thu; phân đấu thực hiện hoàn thành và vượt mức dự toán thu năm 2025.	Năm 2025	

STT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
7	Ban Quản lý dự án tỉnh		
7.1	Tiếp tục tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư xây dựng, nhất là đối với nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, vốn vay ODA... Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, quy rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan trong việc bảo đảm tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công. Từng chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng tiến độ, kế hoạch giải ngân chi tiết cho từng dự án và có cam kết trước Ủy ban nhân dân tỉnh về tiến độ giải ngân vốn, xem đây là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành của chủ đầu tư, khen thưởng, phê bình, kiểm điểm (nếu có);	Năm 2025	
7.2	Chủ động, phối hợp chặt chẽ với các địa phương đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng phục vụ thi công các dự án, khắc phục tình trạng chậm triển khai dự án do thiếu mặt bằng “sạch” trong thời gian qua. Đồng thời phối hợp với các địa phương tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh đầu tư các khu tái định cư để phục vụ nhu cầu tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, giải phóng mặt bằng theo quy định của Luật Đất đai năm 2024, đảm bảo phù hợp với Luật Đầu tư công năm 2023, nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công và các quy định khác có liên quan.	Năm 2025	
7.3	Tiếp tục tổ chức triển khai nghiêm túc Luật Đấu thầu; nâng cao chất lượng công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu thi công, bảo đảm lựa chọn nhà thầu công khai, minh bạch và có đầy đủ năng lực thực hiện dự án. Kiên quyết xử lý theo quy định pháp luật đối với những nhà thầu không đáp ứng được yêu cầu, vi phạm các điều khoản hợp đồng đã ký kết, làm chậm tiến độ dự án.	Quý I/2025	
8	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh An Giang		

STT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
8.1	Tổ chức kênh đối thoại giữa doanh nghiệp và các tổ chức tín dụng để xây dựng mối quan hệ hợp tác, đàm phán cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi vốn vay. Nghiên cứu các giải pháp, tiêu chuẩn, điều kiện tiếp cận tín dụng, tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân tiếp cận các gói tín dụng ưu đãi của nhà nước, như: đầu tư hoặc mua nhà ở xã hội, tiêu dùng, xuất khẩu, sản xuất và xây dựng chuỗi sản xuất nông nghiệp, đầu tư máy móc, trang thiết bị hiện đại phục vụ sản xuất, kinh doanh và các nhu cầu khác của doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân.	Quý II/2025	
8.2	Thực hiện các giải pháp mở rộng tín dụng hiệu quả đi đôi với kiểm soát chất lượng tín dụng, nhất là đối với các lĩnh vực ưu tiên (nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, ứng dụng công nghệ cao...), hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, gắn với thực hiện các chính sách tín dụng trọng điểm của ngành, các chương trình, đề án của tỉnh, nhất là tổ chức thực hiện Nghị quyết số 09/NQ-TU ngày 27/6/2012 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh An Giang giai đoạn 2012-2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp để giảm thất thu thuế.	Năm 2025	
9	Cục Thống kê tỉnh		
9.1	Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các Sở, ban, ngành liên quan theo dõi tình hình kinh tế - xã hội năm 2025 theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Kế hoạch kịch bản tăng trưởng kinh tế và văn bản này.	Năm 2025	
9.2	Phối hợp Sở Tài chính và các Sở, ban, ngành liên quan đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hằng tháng và theo từng quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm 2025.	Năm 2025	
9.3	Xây dựng mẫu biểu chỉ tiêu thống kê kinh tế - xã hội chủ yếu định kỳ hàng tháng, quý, năm trên địa bàn tỉnh.	Quý I/2025	
10	Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố		

STT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
10.1	Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, trong đó đề ra chỉ tiêu thực hiện cụ thể cho từng quý, 6 tháng, 9 tháng để các cơ quan, đơn vị trên địa bàn triển khai thực hiện với quyết tâm đạt kết quả cao nhất, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của tỉnh và của huyện, thị xã, thành phố.	Quý I/2025	
10.2	Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước tại địa phương đối với các dự án đầu tư trên địa bàn; theo dõi, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các dự án đầu tư. Chỉ đạo quyết liệt công tác giải ngân các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển năm 2025, nhất là các Chương trình Mục tiêu quốc gia. Triển khai các giải pháp quản lý thuế, chống thất thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; điều hành chi ngân sách theo tiến độ thu trong phạm vi dự toán giao, chi ngân sách đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí.	Năm 2025	
10.3	Trên cơ sở Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 được phê duyệt, chủ động rà soát, cập nhật, điều chỉnh bổ sung các quy hoạch tại địa phương đảm bảo phù hợp, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch cấp cao hơn. Chủ động lập danh mục, đề xuất các dự án đầu tư công và các dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn quản lý đủ điều kiện pháp lý để thực hiện thủ tục đầu tư các dự án phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương, từng vùng kinh tế, tạo động lực mới cho tăng trưởng.	Quý I/2025	
10.4	Chủ động phối hợp với các chủ đầu tư dự án trên địa bàn đẩy mạnh công tác giải phóng mặt bằng, bàn giao mặt bằng sạch cho các chủ đầu tư triển khai dự án, nhất là các dự án trọng điểm của tỉnh để thực hiện các dự án theo đúng tiến độ. Phối hợp với các chủ đầu tư đảm bảo tình hình an ninh trật tự trong quá trình triển khai các dự án đầu tư.	Năm 2025	

STT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
10.5	Đẩy mạnh cải cách hành chính, đặc biệt là thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư, doanh nghiệp, nhà đầu tư triển khai các dự án trên địa bàn. Tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của các dự án, hỗ trợ các chủ đầu tư, nhà đầu tư nhằm đẩy nhanh thủ tục đầu tư và tiến độ thi công dự án. Chú trọng công tác kiểm soát phòng chống tham nhũng, lãng phí trong thực thi công vụ, đặc biệt chú trọng đến lãng phí về mặt thời gian và nguồn lực đầu tư (kể các đầu tư công và đầu tư tư nhân).	Năm 2025	